

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 256/2023/DS-PT

Ngày 28 – 4 – 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 121/2022/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 282/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn M, sinh năm 1950;

2. Bà Phan Thị Bé T, sinh năm 1951;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Bé T: Ông Lê Văn M, sinh năm 1950 (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2021); Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh Lê Minh H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Mỹ T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Trần Thị Kim M₁, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số M, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Kim M₁: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1964 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2021); Địa chỉ: Số M, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn M; và bị đơn Lê Minh H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Lê Văn M đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Bé T trình bày:*

Nguyên Lê Minh H là con trai, Trần Thị Kim M₁ là con dâu của vợ chồng ông và bà T. Trước đây vợ chồng H - M₁ có vay tiền của Ngân hàng Techcombank để làm vốn làm ăn, khi đến hạn trả nợ vay thì vợ chồng H - M₁ không có khả năng trả nợ, nên vào năm 2019 ông bà có cho vợ chồng H - M₁ mượn tiền 02 lần để trả nợ ngân hàng cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ông bà cho vợ chồng H, M₁ mượn số tiền 1.000.000.000 đồng vợ chồng H, M₁ trực tiếp đi nộp tiền cho ngân hàng.

Lần thứ hai: Ông bà cho vợ chồng H, M₁ mượn 2.200.000.000 đồng, ông M là người trực tiếp nộp tiền vay cho vợ chồng H, M₁ theo Giấy nộp tiền ngày 31/12/2019.

Tổng cộng 02 lần vợ chồng H, M₁ mượn 3.200.000.000 đồng. Nay vợ chồng H, M₁ đã ly hôn với nhau, ông bà đã nhiều lần yêu cầu H, M₁ trả số tiền trên nhưng vợ chồng H, M₁ không thực hiện.

Nay ông M và bà T khởi kiện yêu cầu anh Lê Minh H và chị Trần Thị Kim M₁ trả cho ông M và bà T số tiền 3.200.000.000 đồng.

** Bị đơn anh Lê Minh H trình bày:* Anh H đồng ý cùng chị Trần Thị Kim M₁ trả cho ông Lê Văn M và bà Phan Thị Bé T số tiền 3.200.000.000 đồng vì đây là nợ chung của anh và chị M₁.

** Bà Phạm Thị V là đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Kim M₁ trình bày:* Chị M₁ không đồng ý cùng anh Lê Minh H trả số tiền 3.200.000.000 đồng cho ông M và bà T, vì thời điểm ông bà cho anh H mượn tiền thì anh H và chị M₁ đã chấm dứt mối quan hệ hôn nhân theo bản án số 127/2019/HNGĐ-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 121/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 26, 35, 235, 266, 267, 271 và 273; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc*

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Phan Thị Bé T.

Buộc anh Lê Minh H trả cho ông Lê Văn M và bà Phan Thị Bé T số tiền 3.200.000.000 đồng (*Ba tỷ hai trăm triệu đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Phan Thị Bé T về việc yêu cầu chị Trần Thị Kim M₁ có trách nhiệm cùng với anh Lê Minh H trả số tiền 3.200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 12/8/2022, nguyên đơn ông Lê Văn M có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 121/2022/DS-ST ngày 03/8/2022, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

* Ngày 12/8/2022, bị đơn Lê Minh H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 121/2022/DS-ST ngày 03/8/2022, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Trần Thị Kim M₁ có nghĩa vụ liên đới cùng Lê Minh H trả cho nguyên đơn số tiền 3.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Lê Văn M đồng thời là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Phan Thị Bé T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn Lê Minh H vắng mặt và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị M₁ vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của anh H, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông M, sửa bản án sơ thẩm: buộc anh H và chị M₁ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M, bà T số tiền 2.900.000.000 đồng, buộc anh H trả cho ông M, bà T số tiền 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1]. Về tố tụng:

Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn M và của anh Lê Minh H nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ lần hai nhưng anh H vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông M và chị V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt họ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

[2]. Về nội dung xét kháng cáo:

[2.1]. Về nội dung vụ án và lời trình bày của các đương sự:

Ông M và bà Bé T là cha mẹ của anh H, chị M₁ là vợ H. Anh H và chị M₁ đã chấm dứt quan hệ hôn nhân theo Bản án số 127/2019/HNGĐ-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (BL: 91- 99); đồng thời nội dung quyết định bản án 127/2019/HNGĐ-ST còn buộc anh H và chị M₁ có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long số tiền 6.197.589.000 đồng và tiền lãi suất 1.593.988.000 đồng.

Do ông M và bà Bé T có cho anh H mượn số tiền 3.200.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam nên Ông bà yêu cầu anh H và chị M₁ cùng trả số tiền 3.200.000.000 đồng (BL 35). Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là:

- Giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2019 có chữ ký, chữ viết họ tên Lê Minh H (BL: 16)

- 01 giấy nộp tiền ngày 18/11/2019 tại Techcombank ghi tên khách hàng là Lê Minh H và tên người hưởng là Trần Thị Kim M₁ (số tài khoản 19730130984011), số tiền giao dịch là 72.500.000 đồng (BL 15)

- 01 giấy nộp tiền ngày 18/11/2019 tại Techcombank ghi tên khách hàng là Lê Minh H và tên người hưởng là Trần Thị Kim M₁ (số tài khoản 19030130984018), số tiền giao dịch là 627.500.000 đồng (BL 14)

- 01 giấy nộp tiền ngày 31/12/2019 tại Techcombank ghi tên khách hàng là Lê Văn M và tên người hưởng là Trần Thị Kim M₁ (số tài khoản 19030130984018), số tiền giao dịch là 2.200.000.000 đồng (BL 13).

Nguyên đơn trình bày: Giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2019 là của anh H viết ký tên, nội dung là mượn của ông bà số tiền 1.000.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng). Và anh H có dùng số tiền này trả nợ Ngân hàng cụ thể là 02 giấy nộp tiền cùng ngày

18/11/2019; đối với giấy nộp tiền ngày 31/12/2019 là do ông M đi nộp trực tiếp vào tài khoản chị M₁ để trả nợ Ngân hàng cho chị M₁ và anh H.

Bị đơn H trình bày: Thừa nhận có mượn của ông M và bà T tổng cộng 3.200.000.000 đồng như lời ông M, bà T thể hiện qua: Giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2019 là 1.000.000.000 đồng và ngày 31/12/2019 ông M đi nộp trả nợ cho anh và chị M₁ tại Ngân hàng là 2.200.000.000 đồng.

Bị đơn M₁ trình bày: Chị và anh H đã ly hôn. Khi ly hôn chị M₁ giao toàn bộ tài sản chung cho anh H quản lý có giá trị 16.996.524.000 đồng, anh H có nghĩa vụ trả lại chị M₁ 8.498.262.000 đồng trừ số tiền nợ chung chị M₁ phải trả 7.791.577.000 đồng (14.518.539.000đ : 2 người), như vậy anh H còn phải giao lại chị M₁ 1.238.994.000 đồng. Ông M và bà T có cho anh H mượn tiền hay không thì chị không có liên quan và chị không có mượn tiền của ông M, bà T gì cả (BL từ số 56 đến 59).

Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh H có nghĩa vụ trả cho ông M và bà T số tiền 3.200.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu buộc chị M₁ có trách nhiệm liên đới cùng anh H trả số tiền 3.200.000.000 đồng.

Ngày 12/8/2022 ông M và anh H cùng có đơn kháng cáo, yêu cầu chị M₁ phải có nghĩa vụ liên đới với anh H trả số tiền 3.200.000.000 đồng cho ông M và bà T.

[2.2]. Về yêu cầu kháng cáo của anh Lê Minh H: Anh H được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì coi như đã từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh H.

[2.3]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn M:

Nhận thấy, bản án sơ thẩm số 127/2019/HNGĐ-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện C có hiệu lực pháp luật đã ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M₁ và anh H; đối với khoản nợ chung, bản án sơ thẩm buộc chị M₁ và anh H có trách nhiệm liên đới trả nợ, trong đó có khoản nợ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long gồm 6.197.589.000 đồng tiền vay và 1.593.988.000 đồng tiền lãi.

Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 04/01/2023, ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, số tiền anh H – chị M₁ nợ Ngân hàng đã có quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1003/QĐ-CCTHADS ngày 02/3/2020 theo Đơn yêu cầu thi hành án thì Ngân hàng yêu cầu anh H, chị M₁ liên đới trả số tiền gốc 3.815.479.477 đồng và tiền lãi 875.879.515 đồng; nhận thấy, số tiền gốc và lãi ngân hàng yêu cầu trả là có giảm so với số nợ ghi nhận trong bản án số 127/2019/HNGĐ-ST. Như vậy, anh H – chị M₁ đã trả được một phần nợ cho Ngân hàng theo bản án số 127/2019/HNGĐ-ST, không có việc cản trở nghĩa vụ chia tài sản chung và thanh toán nợ chung giữa anh H và chị M₁.

Theo 02 giấy nộp tiền cùng ngày 18/11/2019 tại Techcombank (Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam) ghi tên khách hàng là Lê Minh H và tên người

hưởng là Trần Thị Kim M₁ với số tiền 72.500.000 đồng + 627.500.000 đồng = 700.000.000 đồng; 01 giấy nộp tiền ngày 31/12/2019 tại Techcombank ghi tên khách hàng là Lê Văn M và tên người hưởng là Trần Thị Kim M₁ với số tiền giao dịch là 2.200.000.000 đồng; tổng cộng anh H và ông M nộp tiền vào tài khoản chị M₁ tại Ngân hàng là 2.900.000.000 đồng. Chị M₁ trình bày là không mượn tiền của ông M và bà T nhưng khi số tiền 2.900.000.000 đồng nộp vào tài khoản của chị M₁ mở tại Ngân hàng thì đương nhiên chị M₁ phải biết. Anh H thừa nhận số tiền anh nhận của ông M bà T trong giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2019 đã nộp theo 02 giấy nộp tiền ngày 18/11/2019 và số tiền ông M trực tiếp nộp vào tài khoản Ngân hàng của chị M₁ là để trả số tiền nợ Ngân hàng của anh và chị M₁. Lời thừa nhận này phù hợp với nội dung Công văn số 106/2023/CV-TCBVL ngày 05/4/2023 của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; theo nội dung văn bản này thì tổng số tiền 2.900.000.000 đồng mà anh Lê Minh H và ông Lê Văn M đã nộp vào tài khoản số 19730130984011 và tài khoản số 19030130984018 cùng đứng tên Trần Thị Kim M₁ là để thanh toán khoản nợ 6.197.589.000 đồng và tiền lãi 1.593.988.000 đồng của anh Lê Minh H và chị Trần Thị Kim M₁ tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Bản án số 127/2019/HNGĐ-ST ngày 23/7/2019 của TAND huyện C.

Như vậy, trong số tiền 3.200.000.000 đồng anh H mượn của ông M – bà T có 2.900.000.000 đồng là số tiền dùng để trả khoản nợ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam của anh H và chị M₁ theo bản án số 127/2019/HNGĐ-ST. Đồng thời, bản án số 127/2019/HNGĐ-ST buộc chị M₁ và anh H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, nên chị M₁ phải có trách nhiệm liên đới với anh H trả lại số tiền 2.900.000.000 đồng cho ông M – bà T.

Đối với số tiền chênh lệch theo giấy mượn tiền ngày 17/11/2019 là 300.000.000 đồng, anh H thừa nhận dùng để sử dụng riêng, nên phải tự chịu trách nhiệm trả nợ cho ông M và bà T.

Từ đó, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm theo những nhận định trên.

[3]. Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí:

Anh H và chị M₁ cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có trách nhiệm liên đới trả cho ông M - bà T là 90.000.000 đồng. Anh H chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có trách nhiệm trả cho ông M, bà T là 15.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, do anh H từ bỏ việc kháng cáo nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng; Ông M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự
Căn cứ vào các Điều 26, 35, 235, 266, 267, 271 và 273; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn M.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Minh H.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 121/2022/DS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M và bà Phan Thị Bé T.

Buộc anh Lê Minh H và chị Trần Thị Kim M₁ có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M và bà Phan Thị Bé T số tiền 2.900.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm triệu đồng).

Buộc anh Lê Minh H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M và bà Phan Thị Bé T số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Lê Văn M và bà Phan Thị Bé T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H và chị M₁ chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh H và chị M₁ liên đới chịu 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H chịu 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh H chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010080 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Án tuyên vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 28/4/2023; tất cả các đương sự đều vắng mặt).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS H.C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt